

Phụ lục: Định mức diện tích chuyên dùng tại Trung tâm Quan trắc TNMT
(Ban hành kèm Quyết định số ngày tháng năm 2022)

STT	Danh mục	Diện tích (m²)	Ghi chú
	Phòng chuyên dùng		Thông tư số 18/2010/TT-BTNMT
1	Phòng Hiện trường	50	
1.1	<i>Phòng chuẩn bị đi hiện trường</i>	20	
1.2	<i>Phòng bảo quản thiết bị, dụng cụ</i>	30	
2	Phân tích trong phòng thí nghiệm	406	
2.1	<i>Phòng giao nhận mẫu</i>	24	
2.2	<i>Phòng bảo quản mẫu (500 mẫu)</i>	15	
2.3	<i>Phòng xử lý mẫu 1 (có xử lý nhiệt)</i>	15	
2.4	<i>Phòng xử lý mẫu 2 (không gia nhiệt)</i>	30	
2.5	<i>Phòng chuẩn bị dụng cụ phân tích</i>	15	
2.6	<i>Phòng phân tích 1 (phân tích COD, BOD. ..)</i>	15	
2.7	<i>Phòng phân tích 2 (các chỉ tiêu hóa, lý ...)</i>	15	
2.8	<i>Phòng phân tích sinh học (vi sinh, đa dạng sinh học ...)</i>	15	
2.9	<i>Phòng phân tích quang phổ (AAS, UV-VIS, IR, FTIR)</i>	30	
2.10	<i>Phòng phân tích điện hóa</i>	15	
2.11	<i>Phòng phân tích chuyên sâu 3 (phòng sắc ký IC, HPLC, GC, GC-MS ...)</i>	30	
3	Phòng xử lý số liệu và lưu trữ	25	
4	Kho chứa mẫu (khí, nước, chất thải rắn)	20	
5	Kho hóa chất	15	
6	Phòng đặt cân (cân kỹ thuật và cân phân tích)	15	
7	Khu phụ trợ (3 x 8m ²)	24	

